

Số: 5464448

Giá niêm yết:

KÍCH THƯỚC:

Kích thước tổng thể(DxRxC)
Chiều dài cơ sở
Vết bánh xe trước/sau

KHỐI LƯỢNG:

Khối lượng bản thân
Khối lượng toàn bộ
Số chỗ ngồi

ĐỘNG CƠ:

Tên động cơ
Loại động cơ
Dung tích xi lanh
Công suất cực đại/ tốc độ quay
Mô men xoắn/ tốc độ quay

TRUYỀN ĐỘNG:

Hộp số
Tỷ số truyền

HỆ THỐNG PHANH:

Hệ thống phanh

HỆ THỐNG TREO:

Trước
Sau

LỚP XE:

Trước/Sau

ĐẶC TÍNH:

Khả năng leo dốc
Tốc độ tối đa
Dung tích thùng nhiên liệu

HỆ THỐNG LÁI:

Hệ thống lái

THACO CRUIZER 91S - 29 GHẾ
WP4.6

Liên hệ

9.100 x 2.370 x 3.150 mm
4.630 mm
1.997 / 1.762 mm

8.205 kg
10.380 kg
29 & 34 | 20 chỗ

WP4.6NQ270E50
Động cơ diesel, 4 xylanh thẳng hàng,
tăng áp
4.580 cc
270/2.300 Ps/(vòng/phút)
850/1.200 - 1.600 N.m/(vòng/phút)

6DSX95T
3.89

Đĩa/ tang trống. Phanh điện từ. Có
ABS/ASR

Phụ thuộc, 02 bầu hơi, 02 giảm chấn,
thanh cân bằng
Phụ thuộc 04 bầu hơi, 04 giảm chấn,
thanh cân bằng

245/70R19.5

47.8 %
109 km/h
140 lít

Trục vít ê cu bi, trợ lực thủy lực

THACO CRUIZER 91S - 29 GHẾ
WP7

Liên hệ